



# TRÂN TRỌNG CÔNG BỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009

**Ngân hàng Đông Á**  
 Hội sở: 130 Phan Đăng Lưu  
 Q. Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam  
 Tel: (848) 3995 1483 Fax: (848) 3995 1614  
 SWIFT: EACBVNVX www.dongabank.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752831/13881588

### KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("Ngân hàng") và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam mà từ đó bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kèm theo (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt") từ trang 2 đến trang 5 đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi được lập vào ngày 31 tháng 01 năm 2010 đã đưa ra ý kiến là các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã phù hợp, nhất quán với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra và chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó.

Để có thể hiểu sâu sắc hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất năm mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần tương ứng.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam  
 Young Vietnam Ltd

Võ Tấn Hoàng Văn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Kiểm toán viên đã đăng ký  
 Số đăng ký: 0264/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Nguyễn Xuân Đại  
 Kiểm toán viên phụ trách  
 Kiểm toán viên đã đăng ký  
 Số đăng ký: 0452/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

DVT: triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	2.615.111	2.036.886
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4	1.230.380	770.624
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay các TCTD khác	5	939.034	2.764.121
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		607.097	2.764.121
Cho vay các TCTD khác		331.937	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		<b>386.730</b>	<b>243.934</b>
Chứng khoán kinh doanh	6	428.504	278.946
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	11.1	(41.774)	(35.012)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		<b>34.010.811</b>	<b>25.303.892</b>
Cho vay khách hàng	7	34.355.544	25.570.810
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(344.733)	(266.918)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>359.201</b>	<b>135.801</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	350.868	143.549
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	8.333	13.383
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	(21.131)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>711.110</b>	<b>820.758</b>
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	10	740.493	820.758
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.2	(29.383)	-
<b>Tài sản cố định</b>		<b>793.784</b>	<b>549.467</b>
Tài sản cố định hữu hình	12.1	574.915	483.844
Nguyên giá tài sản cố định		868.155	676.169
Hao mòn tài sản cố định		(293.240)	(192.325)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	12.2	218.869	65.623
Nguyên giá tài sản cố định		237.089	75.723
Hao mòn tài sản cố định		(18.220)	(10.100)
<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>Tài sản chờ xử lý</b>		<b>13</b>	<b>2.087.709</b>
Các khoản phải thu	13.1	582.982	521.342
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	172.133	429.074
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	13.3	-	10.589
Tài sản chờ khác		719.126	1.126.704
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản chờ xử lý		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>42.520.402</b>	<b>34.713.192</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	19	19	-
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	14	4.767.739	3.611.521
Tiền gửi của các TCTD khác	14	4.545.991	3.611.521
Vay các TCTD khác	14.2	221.748	-
Tiền gửi của khách hàng	15	27.973.540	23.010.437
Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác		-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	17	291.047	203.966
Phát hành giấy tờ có giá	16	3.682.086	2.970.812
Các khoản nợ khác	18	1.605.448	1.401.502
Các khoản lãi, phí phải trả	18.1	337.304	602.466
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	19	19.131	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	18.2	1.249.013	799.036
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.319.879</b>	<b>31.198.238</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn và các quỹ</b>		<b>4.200.523</b>	<b>3.514.954</b>
Vốn của TCTD	20	3.400.553	2.880.521
Vốn điều lệ	20.1	3.400.000	2.880.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác	20.1	553	521
Quỹ của TCTD	20	199.138	106.848
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	600.832	527.585
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.200.523</b>	<b>3.514.954</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>42.520.402</b>	<b>34.713.192</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

DVT: triệu VND

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	34	2.824.180	2.612.291
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.986.827	1.872.861
Bảo lãnh khác		837.353	739.430
<b>Các cam kết đưa ra</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.824.180</b>	<b>2.612.291</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

DVT: triệu VND

	Năm 2009	Năm 2008
<b>THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.325.056	3.815.708
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.218.224)	(2.971.376)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>1.106.832</b>	<b>844.332</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	272.570	203.524
Chi phí hoạt động dịch vụ	(52.858)	(52.132)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>219.712</b>	<b>151.392</b>
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	262.492	333.365
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán ngoại hối	4.916	12.672
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	64.690	16.377
Thu nhập từ hoạt động khác	4.013	113.282
Chi phí hoạt động khác	(226)	(570)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>3.787</b>	<b>112.712</b>
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1.152	8.221
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>1.663.581</b>	<b>1.479.071</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		
Chi phí tiền lương	(280.770)	(215.987)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(110.703)	(82.288)
Chi phí hoạt động khác	(337.504)	(267.435)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(728.977)</b>	<b>(565.710)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>934.604</b>	<b>913.361</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(146.848)	(210.192)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>787.756</b>	<b>703.169</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(170.388)	(175.021)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(29.270)	10.589
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>(200.108)</b>	<b>(164.432)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>587.648</b>	<b>538.737</b>
Phân bổ cho:		
- Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng	587.648	538.737
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.914</b>	<b>1.871</b>

Người lập:

Người phê duyệt:

Bà Đặng Bội Quỳnh  
 Kế toán tổng hợp  
 Ngày 31 tháng 01 năm 2010

Bà Võ Thị Kim Anh  
 Kế toán trưởng

Ông Trần Phương Bình  
 Tổng Giám đốc

